

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRƯỜNG QUỐC TẾ

**BÁO CÁO KHẢO SÁT TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM CỦA  
SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẠC ĐẠI HỌC 2024**

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN KHẢO SÁT VÀ VIẾT BÁO CÁO:  
TRƯỜNG QUỐC TẾ - ĐHQGHN

*Hà Nội, 11/2024*

## MỤC LỤC

|  |           |
|--|-----------|
| <b>TÓM TẮT KẾT QUẢ KHẢO SÁT .....</b>  | <b>3</b>  |
| <b>PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG .....</b>   | <b>3</b>  |
| 1.1. Mục đích khảo sát .....   | 3         |
| 1.2. Nội dung khảo sát.....  | 3         |
| 1.3. Đối tượng, mẫu và phương pháp khảo sát .....  | 4         |
| 1.4. Thông tin sơ bộ về báo cáo khảo sát .....   | 5         |
| <b>PHẦN 2: KẾT QUẢ KHẢO SÁT VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM HIỆN TẠI .....</b>  | <b>6</b>  |
| 2.1. Tình trạng việc làm hiện tại .....  | 6         |
| 2.2. Thống kê số SVTN có việc làm chia theo khu vực làm việc.....  | 8         |
| 2.3. Thống kê số SVTN có việc làm chia theo lĩnh vực nghề nghiệp.....  | 10        |
| 2.4. Thống kê tỉ lệ SVTN có việc làm phù hợp với ngành đào tạo.....  | 11        |
| 2.5. Thống kê thời điểm SVTN có việc làm và vị trí việc làm tương ứng .....  | 13        |
| 2.6. Thống kê mức lương của SVTN có việc làm.....  | 14        |
| 2.7. Thống kê mức độ đáp ứng của kiến thức và kỹ năng so với yêu cầu công việc.....  | 15        |
| 2.8. Đề xuất, góp ý để tăng khả năng tuyển dụng và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động sau khi ra trường.....                  | 17        |
| 2.9. Nhu cầu, quan tâm của SVTN về hoạt động hỗ trợ cựu sinh.....  | 18        |
| <b>PHẦN 3: ĐỀ XUẤT VÀ HOẠT ĐỘNG DỰ KIẾN CHO NĂM HỌC 2024 - 2024...19</b>   | <b>19</b> |
| 3.1. Dự kiến điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh.....   | 19        |
| 3.2. Một số dự kiến trong việc điều chỉnh, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá .....                      | 19        |
| 3.2. Một số đề xuất điều chỉnh, đổi mới về điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo (các nguồn lực/phương tiện hỗ trợ giảng dạy)..... | 20        |
| 3.4. Hoạt động nâng cao tỷ lệ và khả năng đáp ứng yêu cầu việc làm cho sinh viên....   | 21        |
| 4.5. Dự kiến cải tiến công tác khảo sát tình hình việc làm SVTN .....  | 22        |
| <b>PHỤ LỤC.....</b>  | <b>23</b> |

---

Phụ lục 1: Mẫu phiếu khảo sát, câu hỏi khảo sát .....23

Phụ lục 2: Danh sách SVTN tham gia khảo sát.....

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| STT | Từ viết tắt | Từ viết đầy đủ                  |
|-----|-------------|---------------------------------|
| 1   | KDQT        | Kinh doanh quốc tế              |
| 2   | KT, PT&KT   | Kế toán, Phân tích và Kiểm toán |
| 3   | HTTTQL      | Hệ thống thông tin quản lý      |
| 4   | THKTMT      | Tin học và Kỹ thuật máy tính    |
| 5   | PTDLKD      | Phân tích dữ liệu kinh doanh    |
| 6   | SVTN        | Sinh viên tốt nghiệp            |
| 7   | CTSV        | Công tác sinh viên              |

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

| STT | Tên   | Trang |
|-----|---|-------|
| 1   | Bảng 1.1: Tổng quan kết quả khảo sát tình trạng việc làm hiện tại của SVTN 2024 | 6     |
| 2   | Bảng 1.2: Thống kê thời điểm SVTN có việc làm và vị trí việc làm tương ứng      | 7     |

---

## TÓM TẮT KẾT QUẢ KHẢO SÁT

- Số lượng sinh viên tham gia khảo sát: **460/556** SVTN đạt **82,7%**.
- Số SVTN đã có việc làm và đang học nâng cao là **414/460** chiếm **90%**.
- Số SVTN có việc làm đúng ngành đào tạo là **83,3%** và không liên quan đến ngành đào tạo là **16,6%**.
- Số SVTN có việc làm từ trước khi tốt nghiệp trên tổng số sinh viên trả lời khảo sát “đã có việc làm” là **45,2%**.
- Có **60,8%** SVTN làm việc trong lĩnh vực Tư nhân và **27%** làm việc trong các MNCs.
- Mức lương trung bình của SVTN là **13.064.394đ/** tháng.

## PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

### 1.1. Mục đích khảo sát

Khảo sát tình trạng việc làm của SVTN tốt nghiệp trong năm 2024 bậc đại học của Trường Quốc tế - ĐHQGHN được thực hiện với mục đích thu thập thông tin về tình trạng việc làm, khả năng đáp ứng công việc của nhà tuyển dụng, góp ý kiến về nội dung chương trình học, kiến thức, kỹ năng từ đó giúp Trường Quốc tế điều chỉnh để hoàn thiện chương trình đào tạo, đổi mới dịch vụ sinh viên, hoạt động cựu sinh viên đồng thời tạo kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp nơi SVTN đang làm việc.

### 1.2. Nội dung khảo sát

Nội dung khảo sát bao gồm các mục sau:

- Tình hình việc làm hiện tại (có việc làm, đang đi học, chưa có việc làm)
- Lí do chưa có việc làm
- Khu vực việc làm
- Lĩnh vực công tác
- Thời điểm có việc làm (đầu tiên)
- Vị trí công việc (hiện tại)
- Mức thu nhập hiện tại hàng tháng
- Công việc hiện tại đúng hay trái chuyên ngành đào tạo
- Mức độ đáp ứng của kiến thức và kỹ năng mà cựu SVTN được đào tạo trong chương trình đã học so với yêu cầu công việc hiện tại (nếu đã có việc làm) và kỳ vọng (nếu chưa có việc làm)
- Góp ý của cựu SVTN đối với dịch vụ/kiến thức/kỹ năng Trường Quốc tế cần bổ sung để tăng cơ hội việc làm và khả năng thích ứng với công việc cho SVTN

- Cung cấp thông tin chi tiết về nơi làm việc hiện tại (không bắt buộc)
- Cung cấp thông tin chi tiết về chương trình đào tạo (nếu đang học nâng cao)
- Khảo sát hoạt động phát triển mạng lưới cựu sinh viên mà SVTN quan tâm (alumni café, tư vấn hướng nghiệp, kết nối DN, mentoring, hội thảo chuyên môn, đào tạo kỹ năng mềm,...)

### **1.3. Đối tượng, mẫu và phương pháp khảo sát**

- Đối tượng khảo sát: SVTN Trường Quốc tế - ĐHQGHN đã tốt nghiệp bậc đại học năm 2024 và tới tháng 3 năm 2024 (từ 06 tháng tới trên 1 năm sau khi tốt nghiệp).
- Mẫu khảo sát: Khảo sát được thực hiện với **556 SVTN**
- Phương pháp khảo sát: Cuộc khảo sát được thực hiện bằng phương pháp lấy ý kiến trực tuyến thông qua mạng, gửi đường link phiếu khảo sát và gọi điện trực tiếp được gửi đến từng SVTN Trường Quốc tế - ĐHQGHN.

Các hạng mục công việc cụ thể thực hiện được mô tả trong bảng sau đây:

| <b>Bước</b>   | <b>Công việc</b>  |
|---------------|---|
| <b>Bước 1</b> | Tiếp nhận công văn, xin ý kiến BGH để triển khai  |
| <b>Bước 2</b> | Tập hợp cơ sở dữ liệu cựu SVTN (họ tên, email v.v.)   |
| <b>Bước 4</b> | Rà soát yêu cầu theo công văn của ĐHQGHN về khảo sát việc làm, căn cứ nhu cầu của Trường, Phòng CTSV tiến hành xây dựng mục tiêu khảo sát, xây dựng bảng hỏi trên Google form.  |
| <b>Bước 5</b> | Phòng CTSV tiến hành mở khảo sát, gửi email mời SVTN tham gia khảo sát và theo dõi kết quả thực hiện. Đối với các cựu SVTN chưa thực hiện khảo sát, Trường Quốc tế tiến hành gửi email nhắc nhở (9 lần), nhắn tin SMS, nhắn tin zalo, thông qua cán bộ lớp gửi trực tiếp cho từng người bằng messenger facebook, gọi điện thoại nhắc nhở v.v... |
| <b>Bước 6</b> | Kết thúc khảo sát đợt khảo sát, Trường Quốc tế tiến hành: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng hợp và chuẩn hóa bộ dữ liệu (loại bỏ dữ liệu trùng)</li> <li>- Phân tích số liệu và viết báo cáo</li> <li>- Căn cứ trên phân tích số liệu và báo cáo, Phòng CTSV gửi các đơn vị liên quan đề xuất, kiến nghị</li> </ul>                 |

---

#### ***1.4. Thông tin sơ bộ về báo cáo khảo sát***

Báo cáo khảo sát tập trung cho 5 chương trình đào tạo chính quy do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng tốt nghiệp trong năm 2024. Các chương trình cử nhân khác do ĐHQGHN cấp bằng chưa có sinh viên tốt nghiệp. Kết quả sơ bộ về khảo sát như sau:

- Số lượng cựu SVTN dự kiến tham gia khảo sát: **556 cựu SVTN**
- Số lượng bảng hỏi được gửi đi: **556**
- Tổng số lượt nhắc nhở: **09 lần**
- Thời gian bắt đầu và kết thúc khảo sát: 09:00 ngày 29/10/2024 - 17:00 ngày 05/11/2024.

- Tính đến thời điểm kết thúc có tổng số **460/556 SVTN tham gia khảo sát, đạt 82,7%**, trong đó:

- + Ngành KDQT: 238/281 SVTN tham gia khảo sát, đạt **84,7%**
- + Ngành KT, PT&KT: 129/162 SVTN tham gia khảo sát, đạt **79,6%**
- + Ngành HTTTQL có 60/73 SVTN tham gia khảo sát, đạt **82,2%**
- + Ngành THKTMT có 22/24 SVTN tham gia khảo sát, đạt **91,7%**
- + Ngành PTDLKD có 11/16 SVTN tham gia khảo sát, đạt **68,8%**
- Số lượng kết quả hợp lệ (đã điền đầy đủ các thông tin trong bảng khảo sát): **460/556 cựu SVTN.**

**PHẦN 2: KẾT QUẢ KHẢO SÁT VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM HIỆN TẠI****2.1. Tình trạng việc làm hiện tại**

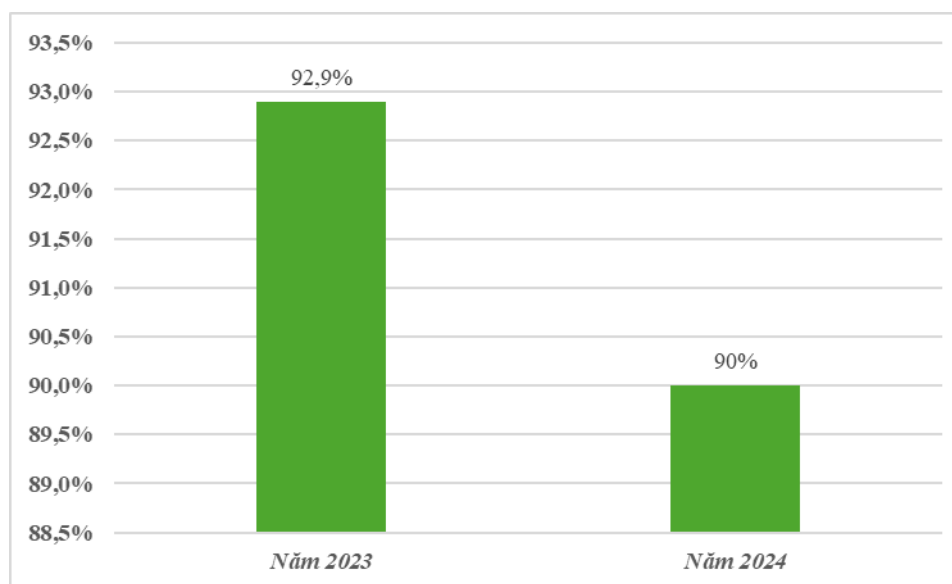
Về tình trạng việc làm hiện tại, có **396/460** SVTN tham gia khảo sát phản hồi đã có việc làm (chiếm **86%**); **18/460** SVTN đang học nâng cao (chiếm **3,9%**); **46/460** SVTN chưa có việc làm (chiếm **10%**). Như vậy, tổng số SVTN đã có việc làm và đang học nâng cao là **414/460** chiếm **90%**.

| TT                   | Mã ngành | Tên ngành đào tạo | Số SVTN    |             | Số SV phản hồi |             | Tình hình việc làm |                             |                                   |              |                  | Tỉ lệ SVTN có việc làm/ tổng số sinh viên phản hồi | Tỉ lệ SVTN có việc làm/ tổng số sinh viên tốt nghiệp | Khu vực làm việc |             |                 |                      |
|----------------------|----------|-------------------|------------|-------------|----------------|-------------|--------------------|-----------------------------|-----------------------------------|--------------|------------------|--|--|------------------|-------------|-----------------|----------------------|
|                      |          |                   | Tổng số    | Nữ          | Tổng số        | Nữ          | Có việc làm        |                             |                                   | Tiếp tục học | Chưa có việc làm |  |  | Nhà nước         | Tư nhân     | Tự tạo việc làm | Có yếu tố nước ngoài |
|                      |          |                   |            |             |                |             | Đúng ngành đào tạo | Liên quan đến ngành đào tạo | Không liên quan đến ngành đào tạo |              |                  |  |  |                  |             |                 |                      |
| (1)                  | (2)      | (3)               | (4)        | (5)         | (6)            | (7)         | (8)                | (9)                         | (10)                              | (11)         | (12)             | (11)   | (13)   | (15)             | (16)        | (17)            | (18)                 |
| 1                    | 7340120  | KDQT              | 281        | 227         | 238            | 193         | 43                 | 139                         | 21                                | 10           | 25               | 85,3   | 72,2   | 14               | 123         | 5               | 61                   |
| 2                    | 7340303  | KT, PT&KT         | 162        | 140         | 129            | 110         | 47                 | 35                          | 26                                | 6            | 15               | 83,7   | 66,7   | 16               | 68          | 2               | 22                   |
| 3                    | 7340405  | HTTTQL            | 73         | 38          | 58             | 31          | 23                 | 19                          | 12                                | 1            | 3                | 93,1   | 74,0   | 7                | 34          | 0               | 13                   |
| 4                    | 7480111  | THKTMT            | 24         | 7           | 21             | 5           | 6                  | 10                          | 3                                 | 0            | 2                | 90,5   | 79,2   | 2                | 11          | 0               | 6                    |
| 5                    | 7340125  | PTDLKD            | 16         | 11          | 14             | 9           | 7                  | 1                           | 4                                 | 1            | 1                | 85,7   | 75,0   | 2                | 5           | 0               | 5                    |
| <b>TỔNG SỐ LƯỢNG</b> |          |                   | <b>556</b> | <b>423</b>  | <b>460</b>     | <b>348</b>  | <b>126</b>         | <b>204</b>                  | <b>66</b>                         | <b>18</b>    | <b>46</b>        |  |  | <b>41</b>        | <b>241</b>  | <b>7</b>        | <b>107</b>           |
| <b>TỶ LỆ %</b>       |          |                   | <b>100</b> | <b>76,1</b> | <b>82,7</b>    | <b>75,7</b> | <b>31,8</b>        | <b>51,5</b>                 | <b>16,7</b>                       | <b>3,9</b>   | <b>10,0</b>      | <b>86,1</b>  | <b>71,2</b>  | <b>10,4</b>      | <b>60,9</b> | <b>1,8</b>      | <b>27,0</b>          |

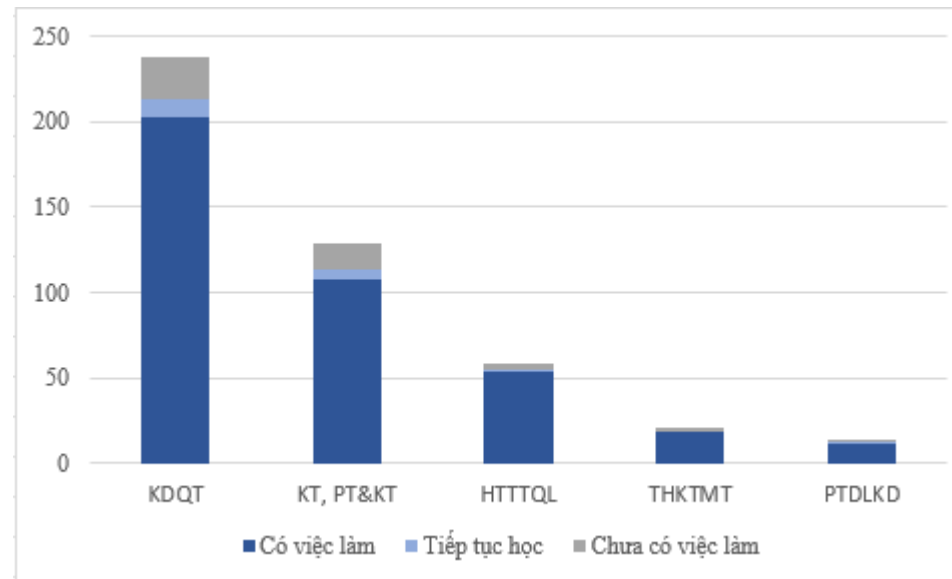
Bảng 1.1: Tổng quan kết quả khảo sát tình trạng việc làm hiện tại của SVTN 2024



Dưới đây là biểu đồ thống kê tình trạng việc làm của SVTN cho từng chương trình đào tạo và tổng các chương trình theo đơn vị tính là số lượng sinh viên. So sánh với dữ liệu Báo cáo việc làm năm 2023, tỉ lệ SVTN đã có việc làm hoặc đang học nâng cao của năm 2024 có giảm hơn (90%) so với năm trước (92,9%). Tuy nhiên so với số lượng SVTN là 556 (năm 2023 là 385), số lượng này vẫn là một kết quả rất khả quan.



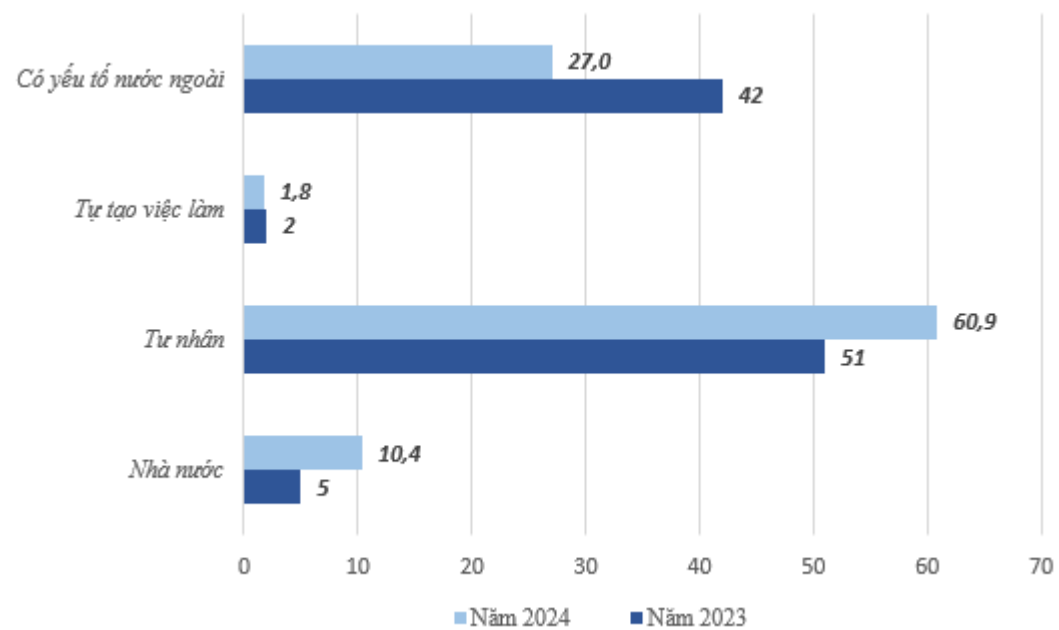
Biểu đồ so sánh tỉ lệ SVTN có việc làm của 2 năm 2023 và 2024 (Đơn vị: %)



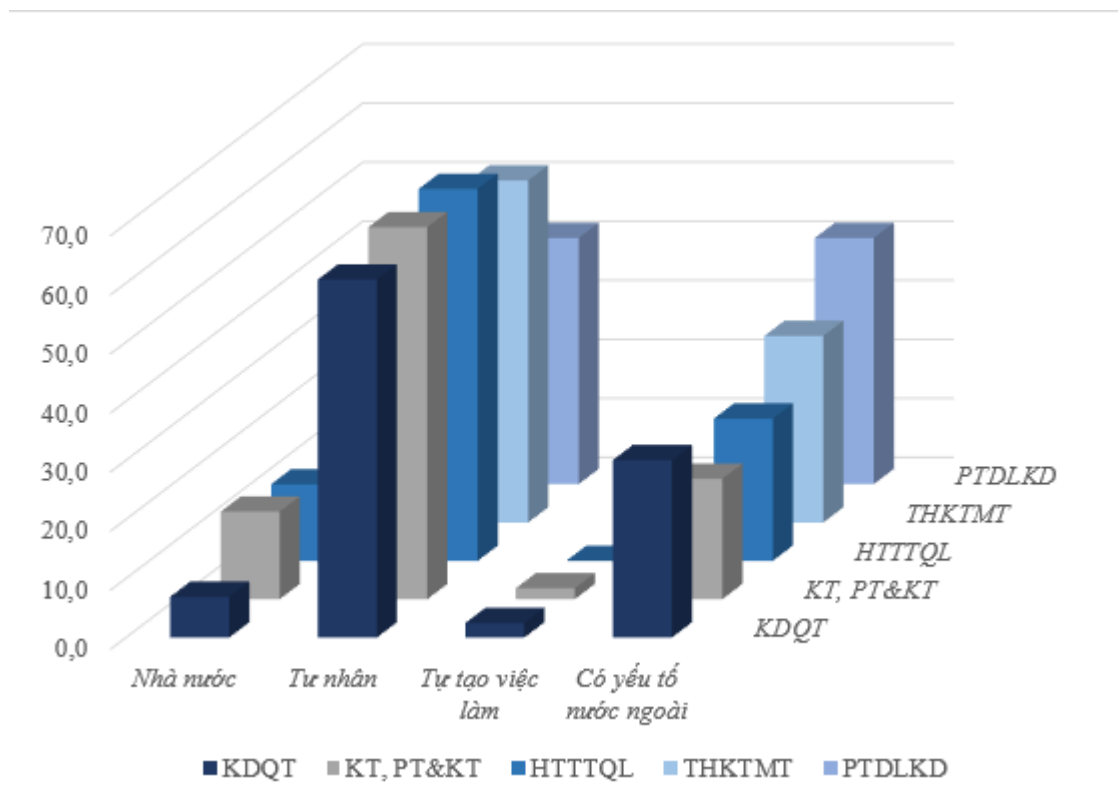
Biểu đồ 1.1: Tình trạng việc làm của SVTN theo chương trình đào tạo năm 2024 (Đơn vị: SVTN)

## 2.2. Thống kê số SVTN có việc làm chia theo khu vực làm việc

Kết quả khảo sát cho thấy, tỉ lệ SVTN (đã có việc làm) chủ yếu đang làm việc trong khu vực “Doanh nghiệp tư nhân, cổ phần và TNHH” (60,9%) và khu vực “Tổ chức nước ngoài, liên doanh” (27%), 12,2% SVTN đang công tác tại các cơ quan nhà nước và tự tạo việc làm. So sánh với năm 2023, số lượng SVTN làm việc trong các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài giảm (năm 2023 là 42%).



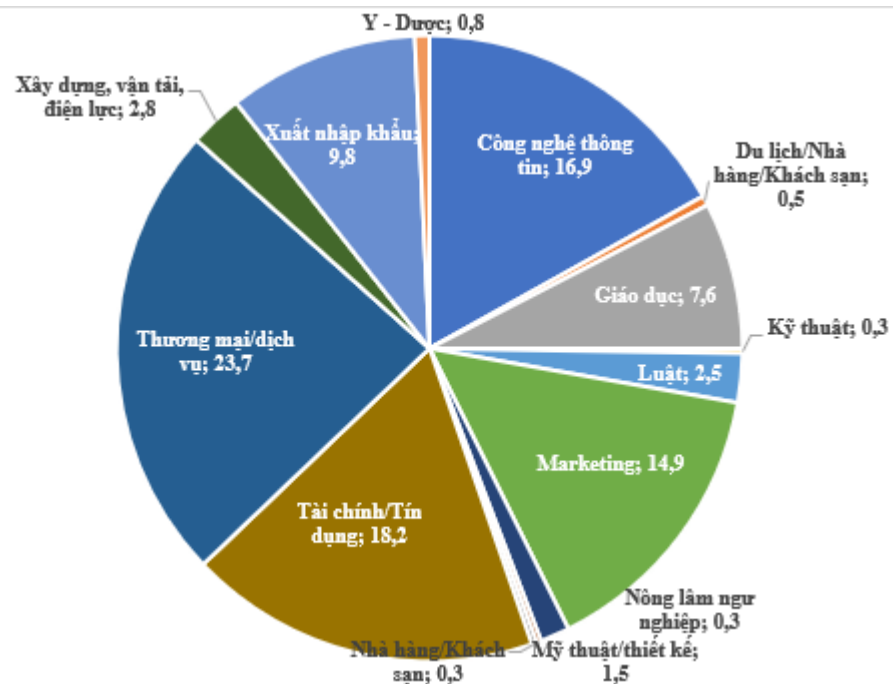
Biểu đồ so sánh khu vực làm việc của SVTN trong 2 năm 2023 và 2024 (Đơn vị: %)



Biểu đồ 1.2: Khu vực việc làm SVTN (Đơn vị: %)

### 2.3. Thống kê số SVTN có việc làm chia theo lĩnh vực nghề nghiệp

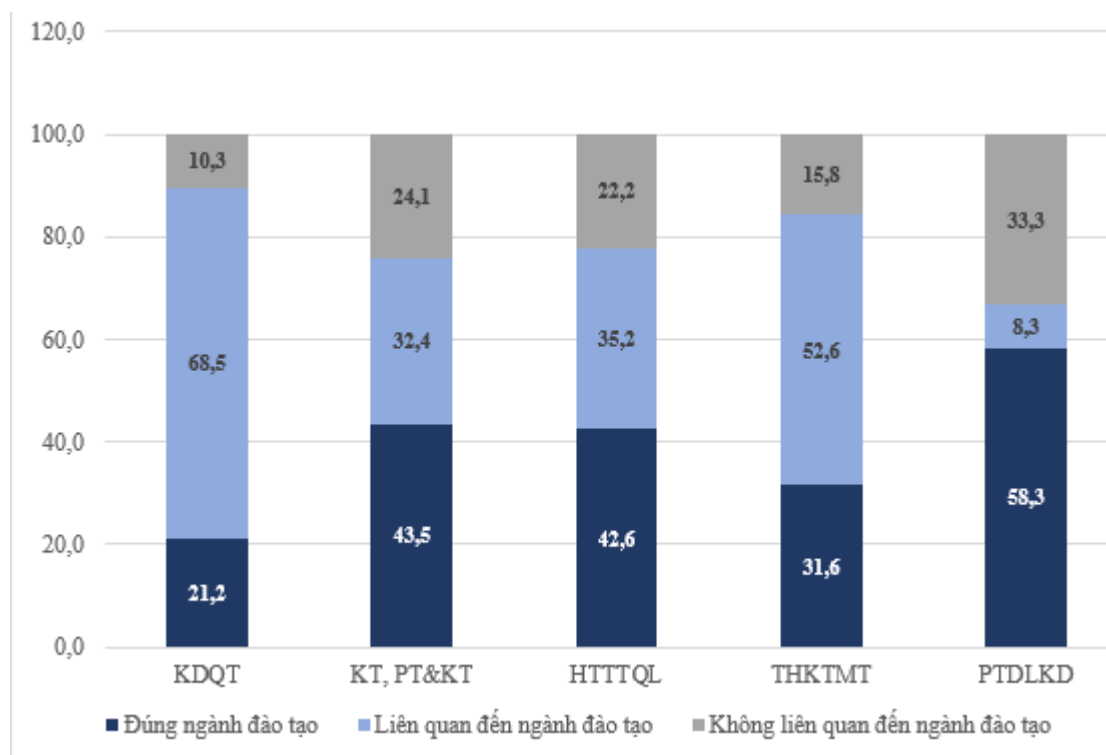
Năm 2024, SVTN Trường Quốc tế chủ yếu tập trung làm việc trong lĩnh vực “Thương mại/Dịch vụ” (29%), “Tài chính/Tín dụng” (24,3%), “Công nghệ thông tin” (15,5%), số còn lại chia đều trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu, marketing, kỹ thuật, giáo dục và các lĩnh vực khác.



Biểu đồ 1.3: Lĩnh vực nghề nghiệp của SVTN (Đơn vị: %)

#### 2.4. Thống kê tỉ lệ SVTN có việc làm phù hợp với ngành đào tạo

Theo kết quả phản hồi, SVTN của Trường Quốc tế có tỉ lệ việc làm đúng chuyên ngành đào tạo hoặc có sự liên quan tới chuyên ngành đào tạo khá cao, chiếm 83,3%, chỉ có 16,7% khác ngành đào tạo. Tuy nhiên con số này cũng thấp hơn so với 2023 là 87,7%. Tỷ lệ sinh viên KDQT làm đúng ngành là 89,7%, THPTMT là 84,2%, kể đến là HTTTQL là 77,%; KTPTKT là 75,9%; trong khi đó PTDLKD chỉ có 66,7%.



Biểu đồ 1.6: Tỷ lệ làm đúng/khác ngành đào tạo của SVTN có việc làm (Đơn vị: %)

Một điểm đáng lưu tâm khi SVTN chưa có việc làm được hỏi, tỷ lệ cân bằng giữa việc lựa chọn ngành nghề đúng ngành đào tạo và không liên quan tới ngành đào tạo chiếm tương đối (59-41). Điều này thể hiện xu thế công việc của xã hội hiện đại, khi sinh viên có thể lựa chọn bất cứ ngành nghề nào; nhưng cũng phần nào thể hiện còn thiếu định hướng rõ ràng trong lộ trình phát triển của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

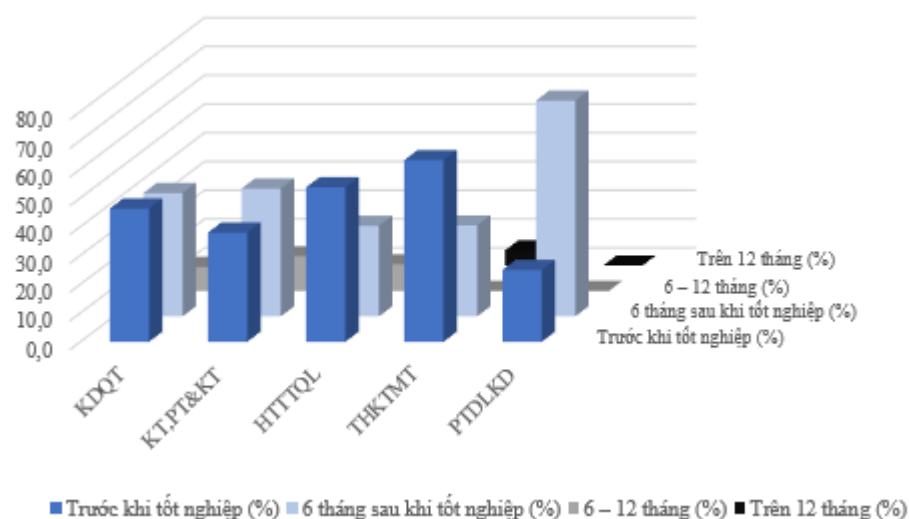
**2.5. Thống kê thời điểm SVTN có việc làm và vị trí việc làm tương ứng**

Năm 2024, SVTN có việc làm trước khi tốt nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ cao (45,2%) nhưng so với năm 2023 vẫn thấp hơn (52,1%). Đa số SVTN có việc làm 6 tháng sau khi tốt nghiệp (42,2%) và chỉ có 1 số lượng rất ít sinh viên có việc làm sau 12 tháng (3,8%).

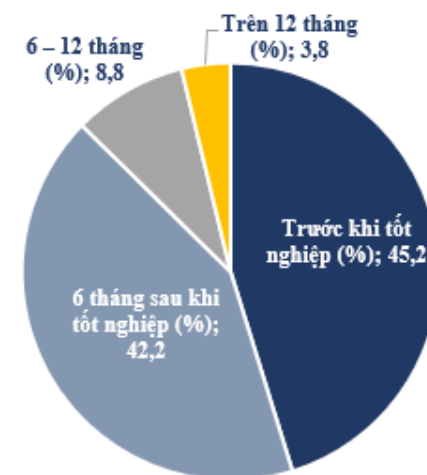
| TT               | Ngành đào tạo (mã số/thí điểm) | Thời điểm có việc làm so với thời điểm tốt nghiệp |                                |                  |                   | Vị trí việc làm hiện tại |                 |                       |                     |                 |
|------------------|--------------------------------|---|--------------------------------|------------------|-------------------|--------------------------|-----------------|-----------------------|---------------------|-----------------|
|                  |                                | Trước khi tốt nghiệp (%)                          | 6 tháng sau khi tốt nghiệp (%) | 6 – 12 tháng (%) | Trên 12 tháng (%) | Nhân viên (%)            | Trưởng nhóm (%) | Quản lý bậc trung (%) | Quản lý bậc cao (%) | Vị trí khác (%) |
| -1               | -2                             | -3  | -4                             | -5               | -6                | -7                       | -8              | -9                    | -10                 | -11             |
| 1                | KDQT                           | 46,3  | 42,9                           | 8,4              | 2,5               | 89,1                     | 4,5             | 4,5                   | 1,5                 | 0,5             |
| 2                | KT,PT&KT                       | 38,0  | 44,4                           | 12,0             | 5,6               | 85,2                     | 7,4             | 0,0                   | 3,7                 | 3,7             |
| 3                | HTTTQL                         | 53,7  | 31,5                           | 9,3              | 5,6               | 79,6                     | 7,4             | 1,9                   | 3,7                 | 7,4             |
| 4                | THKTMT                         | 63,2  | 31,6                           | 0,0              | 5,3               | 78,9                     | 10,5            | 0,0                   | 10,5                | 0,0             |
| 5                | PTDLKD                         | 25  | 75                             | 0                | 0                 | 75,0                     | 16,7            | 0,0                   | 8,3                 | 0,0             |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                | 45,2  | 42,2                           | 8,8              | 3,8               | 85,8                     | 6,3             | 2,5                   | 3,0                 | 2,3             |

Bảng 1.2: Thống kê thời điểm SVTN có việc làm và vị trí việc làm tương ứng

Về vị trí việc làm, chủ yếu SVTN hiện vẫn đang giữ chức vụ “Nhân viên” (85,8%); Trưởng nhóm (6,3%), Quản lý bậc trung (2,5%), Quản lý bậc cao (3,0%).



Biểu đồ 1.8: Thời điểm SVTN có việc làm thống kê theo CTĐT (Đơn vị: %)



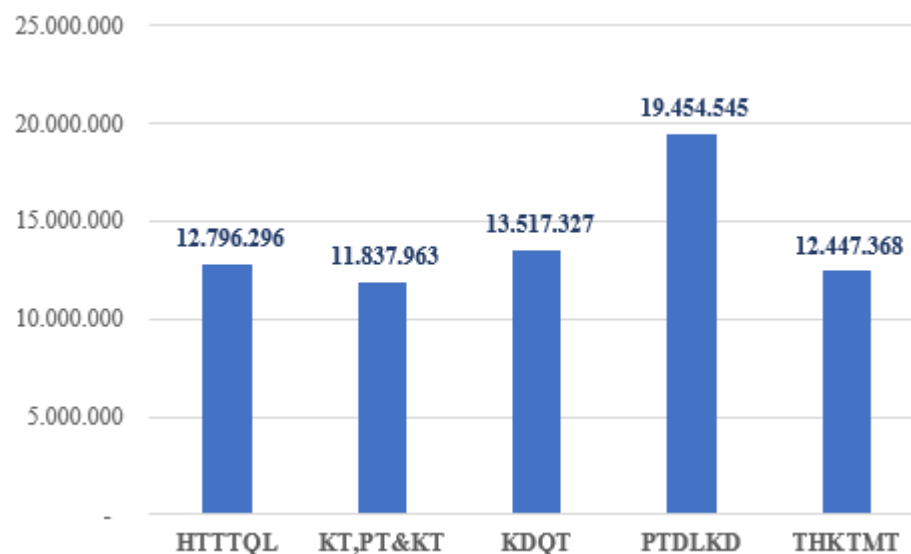
Biểu đồ 1.9: Thời điểm SVTN có việc làm (Đơn vị: %)

## 2.6. Thống kê mức lương của SVTN có việc làm

Mức lương trung bình/tháng của SVTN năm 2024 là 13.064.394đ/ tháng, tương đương mức lương năm 2023 là 13.940.063 đ/tháng, chia đều cho 04 ngành KDQT; KT, PT&KT; HTTTQL, THKTMT, PTDLKD.

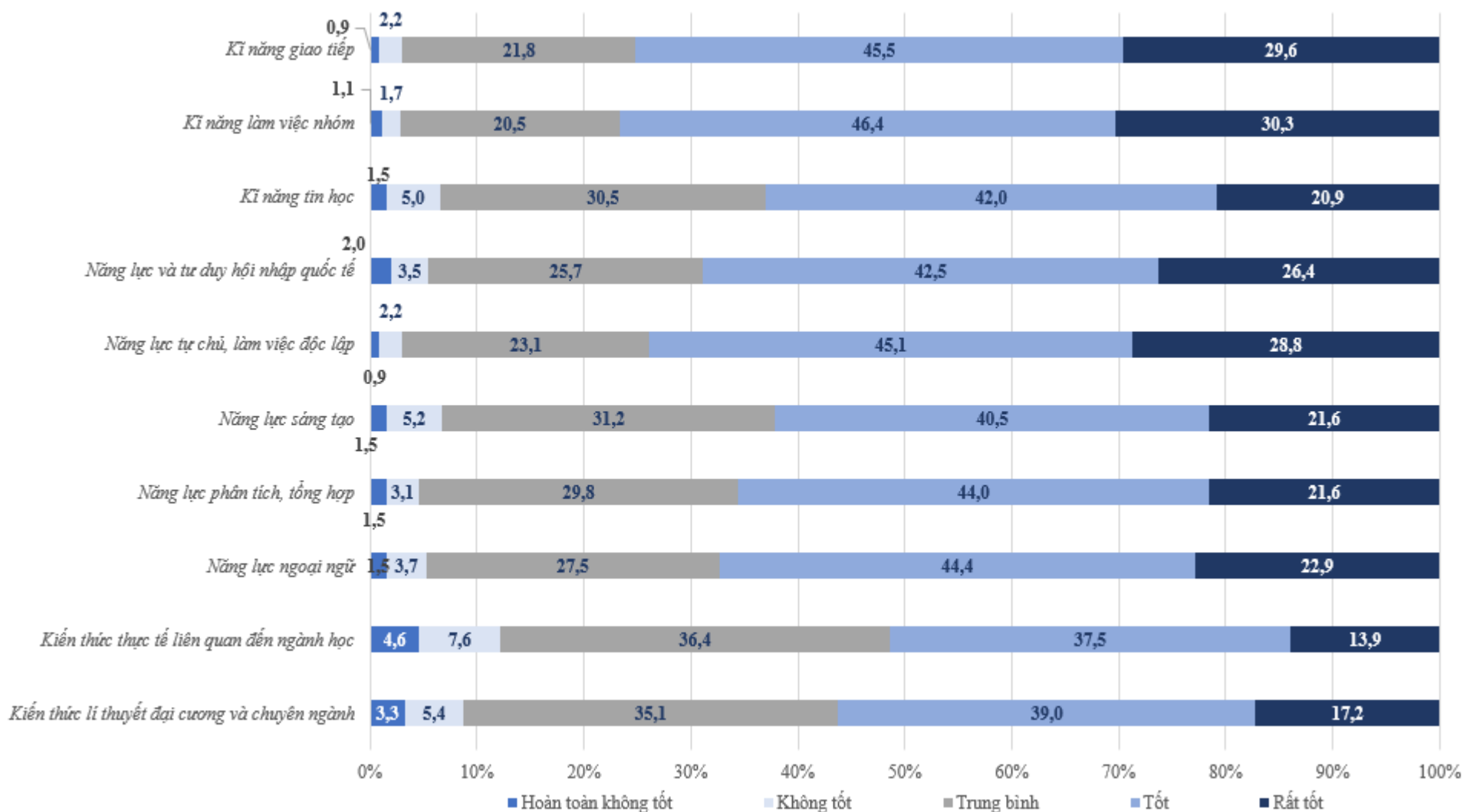
Xếp đầu bảng là mức lương của ngành PTDLKD với số SV khóa đầu tiên ra trường là 19.454.545đ/ tháng, xếp thứ 2 là trung bình lương của SVTN ngành KDQT là 13.517.327đ/ tháng, sau đó là ngành HTTTQL là 12.796.296 (thấp hơn so với năm 2023 là 18.515.151đ/tháng), lương trung bình của ngành THKTMT là 12.447.368đ/ tháng (giảm so với 2023 là 22.375.000đ). Lương ngành KTPTKT là 11.837.963đ. Trong khi đó, mức lương kỳ vọng trung bình của sinh viên chưa có việc làm là 11.219.512/tháng, cũng tương đương mức lương của ngành KTPTKT.





### 2.7. Thống kê mức độ đáp ứng của kiến thức và kỹ năng so với yêu cầu công việc

Số liệu báo cáo minh họa tại Biểu đồ 1.12 dưới đây về kiến thức, kỹ năng cho thấy sự đánh giá rất cao cho tất cả các mặt kỹ năng Trường Quốc tế cung cấp và đào tạo cho SV. Gần như tất cả các kỹ năng SVTN đều đánh giá mức “Tốt” và “Rất tốt”. Chỉ có 2 nhóm Kỹ năng Tin học và Kiến thức thực tế liên quan đến ngành học có SVTN phản hồi cao ở mức “Trung bình”. Tuy nhiên, cần lưu ý nhóm kỹ năng “Kiến thức thực tế liên quan tới ngành học” vẫn được SVTN đánh giá mức “Trung bình”. Đặc biệt, 3 nhóm “Kỹ năng làm việc nhóm”, “Kỹ năng giao tiếp” và “Năng lực tự chủ, làm việc độc lập” được SVTN đánh giá mức rất cao (lần lượt là: 76,7%, 75,2% và 73,9% ở mức Tốt và Rất tốt). Kết quả này đã cho thấy sự phát triển của Trường Quốc tế đang đi đúng hướng và được ghi nhận.



Biểu đồ 1.12: Mức độ đáp ứng kiến thức và kỹ năng đối với yêu cầu công việc (Đơn vị: %)

## **2.8. Đề xuất, góp ý để tăng khả năng tuyển dụng và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động sau khi ra trường**

Ngoài kết quả mang tính chất định lượng, khảo sát đặt câu hỏi mở để SVTN cung cấp các đề xuất, góp ý giúp Trường Quốc tế đổi mới, cải tiến chương trình đào tạo và các dịch vụ hỗ trợ người học, từ đó giúp sinh viên tăng khả năng tuyển dụng và đáp ứng tốt hơn yêu cầu ngày một khắt khe của thị trường lao động.

### **a. Phát triển kỹ năng mềm:**

Nhiều ý kiến cho rằng trường nên tổ chức các hoạt động nhằm phát triển kỹ năng mềm như quản lý thời gian, giao tiếp, thuyết trình, teamwork, tư duy phản biện, và tư duy định hướng nghề nghiệp. Các kỹ năng này sẽ giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

### **b. Cải thiện kỹ năng ngoại ngữ và tin học:**

Một số ý kiến đề xuất nâng cao đào tạo tiếng Anh và kỹ năng tin học văn phòng cho sinh viên, giúp họ tự tin hơn trong môi trường làm việc quốc tế và nâng cao khả năng cạnh tranh.

### **c. Kết nối với doanh nghiệp và tạo cơ hội thực tập:**

Cựu sinh viên mong muốn trường mở rộng mạng lưới kết nối với doanh nghiệp, tổ chức nhiều ngày hội việc làm (Job Fair), chương trình tham quan doanh nghiệp, hội thảo hướng nghiệp, và cung cấp thông tin về các cơ hội thực tập cho sinh viên ngay từ năm 3 hoặc sớm hơn để tích lũy kinh nghiệm.

### **d. Định hướng nghề nghiệp và nâng cao tính thực tiễn của chương trình học:**

Nhiều ý kiến đề xuất nhà trường tổ chức thêm các hoạt động định hướng nghề nghiệp ngay từ đầu khóa, mời cựu sinh viên chia sẻ kinh nghiệm và thực tế về công việc để sinh viên hiểu rõ hơn về ứng dụng của các môn học vào công việc sau này. Đề nghị này cũng bao gồm các chương trình đào tạo kiến thức gắn liền với thực tiễn.

### **e. Hỗ trợ phát triển câu lạc bộ và các hoạt động ngoại khóa:**

Các cựu sinh viên nhận thấy hoạt động câu lạc bộ (CLB) rất hữu ích và đề xuất tăng cường hỗ trợ cho các CLB học thuật và kỹ năng, từ đó sinh viên có thể rèn luyện kỹ năng và mở rộng mạng lưới kết nối.

**g. Đào tạo và hỗ trợ về quy trình tuyển dụng:**

Nhiều ý kiến khuyến nghị nhà trường tổ chức các buổi hướng dẫn kỹ năng tìm việc làm như viết CV, phỏng vấn và giao tiếp với nhà tuyển dụng, và nên đưa các buổi này vào chương trình bắt buộc nhằm giúp sinh viên nắm bắt cơ hội tốt hơn trong thị trường lao động cạnh tranh.

**h. Các đề xuất khác:**

- Tăng cường cơ hội hợp tác với các doanh nghiệp quốc tế, đặc biệt trong việc cung cấp việc làm cho sinh viên quốc tế.
- Đưa thêm các buổi workshop chuyên ngành như tài chính, marketing để sinh viên có thể cọ xát và trải nghiệm thực tế.
- Cải thiện cơ sở vật chất để sinh viên có cảm giác được học trong môi trường quốc tế.
- Nâng cao thông tin về các ngành nghề đang có nhu cầu tuyển dụng.

Những ý kiến đóng góp này cho thấy mong muốn của cựu sinh viên là trường có thêm các hoạt động gắn liền với thực tế, phát triển kỹ năng thiết yếu cho công việc, và mở rộng cơ hội thực tập, việc làm để sinh viên sẵn sàng và tự tin hơn khi bước vào thị trường lao động.

**2.9. Nhu cầu, quan tâm của SVTN về hoạt động hỗ trợ cựu sinh**

Từ kết quả khảo sát có thể dễ nhận thấy, SVTN quan tâm nhiều nhất đến hoạt động kết nối doanh nghiệp, phát triển kỹ năng và hội thảo chuyên môn nghề nghiệp. Đây sẽ là nguồn tham khảo trong tổ chức các hoạt động kết nối và hỗ trợ cựu sinh viên sau khi ra trường.

## PHẦN 3: ĐỀ XUẤT VÀ HOẠT ĐỘNG DỰ KIẾN CHO NĂM HỌC 2024 - 2024

### 3.1. Dự kiến điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh

Kết quả khảo sát và các chỉ số phân tích trên đây là một trong những cơ sở giúp Trường Quốc tế kịp thời điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh cho các khối ngành thuộc lĩnh vực Kinh tế - Quản lý như Kinh doanh quốc tế và Kế toán, Phân tích, Kiểm toán, Hệ thống thông tin quản lý mà còn các ngành thuộc lĩnh vực Kỹ thuật, Công nghệ ứng dụng như Tin học và Kỹ thuật máy tính, Phân tích dữ liệu kinh doanh. Với việc sinh viên tốt nghiệp của Trường có tỉ lệ việc làm cao, tỉ lệ sinh viên có việc làm đúng với chuyên ngành đào tạo ở mức Tốt; mức độ đáp ứng của kiến thức và kỹ năng so với nhu cầu công việc được đánh giá ở mức rất cao; đồng thời, Trường đang và tiếp tục thu hút đội ngũ giảng viên, chuyên gia chất lượng cao, đáp ứng tốt năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học. Do đó, Trường dự kiến sẽ tăng quy mô tuyển sinh và đào tạo cho năm 2025 lên từ 10-20% so với tổng chỉ tiêu đạt được năm 2024.

Căn cứ quy hoạch đào tạo của Trường Quốc tế, trong năm 2025, Trường tiếp tục duy trì, triển khai công tác đào tạo theo hướng đa dạng hóa loại hình đào tạo: chương trình đào tạo do ĐHQGHN cấp bằng, chương trình đồng cấp bằng (ĐHQGHN và đối tác nước ngoài); chương trình bằng kép nội bộ cho phép người học có nhiều sự lựa chọn ngành nghề ngay tại Trường Quốc tế; đồng thời tiếp tục khai thác thế mạnh là cơ sở đào tạo có yếu tố nước ngoài để phát triển các chương trình liên kết quốc tế do đối tác cấp bằng, ưu tiên các ngành về khoa học, công nghệ, máy tính (khối ngành V) để tạo sự cân bằng hơn với khối ngành III, tuy nhiên vẫn đảm bảo điều kiện thỏa mãn nhu cầu cao của xã hội về ngành nghề đào tạo.

### 3.2. Một số dự kiến trong việc điều chỉnh, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá

**Về nội dung giảng dạy:** Nội dung giảng dạy cập nhật, cá thể hóa (trên thế giới và thực tiễn Việt Nam). Xây dựng các nội dung giảng dạy theo hướng chuyên môn sâu, dự án, bài tập điển hình... gắn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp

#### **Về phương pháp giảng dạy:**

- Phương pháp giảng dạy tích cực, đa dạng hóa, gắn người học tham gia thảo luận (lý thuyết/Thực hành/thảo luận);
- Bài giảng/thuyết trình/thảo luận gắn với các phương tiện công nghệ thông tin;
- Giảng dạy có sự tham gia của chuyên gia/khách mời trong các lĩnh vực chuyên môn;

- Xây dựng các phương án tổ chức giảng dạy theo hướng gắn kết sâu giữa nhà trường/doanh nghiệp cùng triển khai các dự án, bài toán đặt ra của doanh nghiệp (project base learning).

- Triển khai các mô hình phương pháp giảng dạy mới như mô hình lớp học đảo ngược...

***Phương pháp kiểm tra đánh giá:***

- Phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chuẩn đầu ra của học phần;
- Phương pháp đa dạng, kết hợp nhiều phương pháp đánh giá.

***3.2. Một số đề xuất điều chỉnh, đổi mới về điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo (các nguồn lực/phương tiện hỗ trợ giảng dạy)***

***Về học liệu học tập***

- Hệ thống giáo trình/Bài giảng điện tử;
- Hệ thống học liệu mở, kho học liệu điện tử;
- Tài liệu tham khảo, bài thực hành, thực tập, dự án nghề nghiệp;
- Hệ thống tài liệu liên kết bên ngoài.

***Cơ sở vật chất lớp học, trang thiết bị dạy học:***

Giảng đường; Trang thiết bị dạy học (Projector, máy chiếu, phần mềm tiện ích, bảng thông minh, thiết bị dạy học tối thiểu); Phòng học thông minh/ đa phương tiện; Phòng thực hành/phòng thực nghiệm ảo; Phòng thí nghiệm; Mô phỏng 3D thực hành; Hợp tác sâu với doanh nghiệp lớn, có uy tín đưa các phần mềm, dữ liệu thực hành chuyên ngành vào trong quá trình giảng dạy (Kế toán/ Ngân hàng/ Dự án/ Phân tích dữ liệu...)

***Thực tập, thực tế:***

- Các chương trình thực tập, thực tế (trong và ngoài nước);
- Các thỏa thuận hợp tác thực tập thực tế ký kết với doanh nghiệp bên ngoài;

***Khung chương trình đào tạo/ các yêu cầu chuẩn đầu ra chương trình/Mô hình đào tạo:***

- Mục tiêu, chuẩn đầu ra chương trình;
- Học phần mới (Khởi nghiệp; Kỹ năng mềm; Trải nghiệm,...);
- Tỷ lệ giờ thực hành/ thực tập, thực tế/ giờ tự học;
- Mô hình đào tạo: đào tạo theo tín chỉ, đồng cấp bằng, 2+2, 3+1, đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp,...

***Hệ thống quản lý đào tạo:***

- Kế hoạch đào tạo khung/ Lịch trình đào tạo năm học/ Thực tập thực tế;
- Dữ liệu đào tạo (dữ liệu học tập sinh viên);
- Phần mềm quản lý đào tạo (dữ liệu đào tạo và quản lý lớp học);

- Văn bản quản lý đào tạo (Biểu mẫu/ Quy trình...).

### **3.4. Hoạt động nâng cao tỷ lệ và khả năng đáp ứng yêu cầu việc làm cho sinh viên**

#### **a. Tăng cường kết nối với doanh nghiệp và chương trình thực tập:**

- Hiện có khoảng 45,2% sinh viên đã có việc làm trước khi tốt nghiệp, cho thấy vai trò quan trọng của thực tập và kết nối doanh nghiệp. Nhà trường nên mở rộng các cơ hội thực tập, đặc biệt trong các ngành và công ty liên quan, để giúp sinh viên có trải nghiệm làm việc sớm và tiếp cận nhiều cơ hội tuyển dụng hơn.

- Khuyến khích và hỗ trợ sinh viên tham gia thực tập tại các công ty trong nhiều lĩnh vực, kể cả các công ty quốc tế (MNCs) và công ty tư nhân.

#### **b. Đào tạo và bổ sung kiến thức thực tế chuyên ngành:**

- Mặc dù hầu hết kỹ năng được sinh viên đánh giá ở mức tốt hoặc rất tốt, nhóm kỹ năng “Kiến thức thực tế liên quan đến ngành học” vẫn bị đánh giá trung bình. Điều này cho thấy cần tăng cường các khóa học hoặc buổi hội thảo, seminar thực hành liên quan đến ngành học.

- Tổ chức các chương trình học thực tế như các dự án thực tế, các bài giảng từ doanh nghiệp, các lớp kỹ năng mềm chuyên sâu hơn để sinh viên hiểu biết sâu sắc hơn về nghề nghiệp và áp dụng được kiến thức vào thực tế công việc.

#### **c. Phát triển kỹ năng tin học chuyên sâu:**

- Kỹ năng tin học là một trong số các nhóm kỹ năng được đánh giá ở mức “Trung bình”, điều này cho thấy có nhu cầu về tăng cường đào tạo tin học, đặc biệt là kỹ năng tin học chuyên sâu phù hợp với từng ngành học.

- Tổ chức các khóa học bổ trợ tin học chuyên sâu hơn, tập trung vào các phần mềm hoặc công cụ cần thiết cho ngành học của sinh viên. Ví dụ: sử dụng các công cụ phân tích số liệu hoặc phần mềm thiết kế nếu sinh viên thuộc các ngành kỹ thuật hay kinh doanh.

#### **d. Đẩy mạnh các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết theo yêu cầu tuyển dụng:**

- Trong khi sinh viên đánh giá rất cao ở các kỹ năng như “Làm việc nhóm”, “Giao tiếp” và “Năng lực tự chủ, làm việc độc lập”, nhà trường nên tiếp tục duy trì và mở rộng đào tạo cho các nhóm kỹ năng này để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của doanh nghiệp, đảm bảo sinh viên có thể đáp ứng ngay khi vào làm.

- Bổ sung thêm các buổi đào tạo và đánh giá thực tế về các kỹ năng mềm và thái độ làm việc nhằm giúp sinh viên cải thiện hơn nữa khả năng thích ứng và xử lý tình huống trong môi trường làm việc thực tế.

#### **e. Định hướng và tư vấn nghề nghiệp thường xuyên:**

- Do có 16,6% sinh viên làm việc trái ngành, nhà trường cần nâng cao chương trình tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên ngay từ năm đầu và theo dõi sự phát triển của từng cá nhân.

Tổ chức các buổi tư vấn cá nhân, hội thảo định hướng nghề nghiệp từ các chuyên gia trong ngành, các cựu sinh viên thành công để sinh viên hiểu rõ và chuẩn bị tốt hơn cho công việc đúng ngành.

**g. Đa dạng hóa cơ hội việc làm qua các kết nối quốc tế:**

Có khoảng 27% sinh viên làm việc tại các công ty đa quốc gia (MNCs), điều này cho thấy sự hấp dẫn của các vị trí trong các công ty quốc tế. Trường nên mở rộng hợp tác quốc tế và thúc đẩy các chương trình học trao đổi, liên kết với các công ty đa quốc gia để sinh viên có cơ hội thử sức trong các môi trường làm việc quốc tế, tăng cơ hội tuyển dụng sau khi tốt nghiệp.

Các điều chỉnh này không chỉ giúp sinh viên nâng cao khả năng tìm việc làm mà còn giúp sinh viên tự tin, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của nhà tuyển dụng trong nhiều lĩnh vực và môi trường khác nhau.

**4.5. Dự kiến cải tiến công tác khảo sát tình hình việc làm SVTN**

Năm học 2024-2024, Trường Quốc tế tiếp tục chủ động triển khai khảo sát việc làm và lồng ghép các nội dung khảo sát phù hợp với thực tế và yêu cầu tại Trường, đặc biệt tập trung thêm cho các ngành CNTT. Dự kiến, khảo sát SVTN năm 2025 sẽ làm rõ hơn về phản hồi của cựu người học đối với sự hài lòng tại DN hiện tại. Khảo sát năm 2025 sẽ tiếp tục đối sánh dữ liệu giữa 2 năm để từ đó chỉ ra sự khác biệt về kỳ vọng và thực tế của từng nhóm ngành đào tạo, từ đó tạo cơ sở giúp công tác hướng nghiệp được triển khai hiệu quả và từng nhóm vấn đề cụ thể hơn.



## PHỤ LỤC

### *Phụ lục 1: Mẫu phiếu khảo sát, câu hỏi khảo sát Phiếu khảo sát dành cho SVTN đã có việc làm*

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG QUỐC TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

### **PHIẾU KHẢO SÁT TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP BẬC ĐẠI HỌC NĂM HỌC**

*Thân gửi các anh/chị tân cử nhân,*

*Hàng năm Trường Quốc tế đều triển khai khảo sát nhằm đánh giá tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, làm cơ sở để cung cấp dịch vụ hỗ trợ phù hợp cho cựu sinh viên, đồng thời tổng hợp ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo và hoạt động hỗ trợ sinh viên hiện tại. Những ý kiến khách quan, thẳng thắn của các bạn sẽ giúp nhà trường nhìn rõ hơn những điểm mạnh, điểm tồn tại của nhà trường nói chung và của mỗi chương trình đào tạo nói riêng. Nhà trường cam kết chỉ sử dụng các câu trả lời, thông tin của khảo sát nhằm mục đích cải thiện chất lượng, môi trường đào tạo. Các thông tin cá nhân của các bạn sẽ được bảo mật hoàn toàn!*

*Trân trọng cảm ơn!*

#### **THÔNG TIN CHUNG**

Họ tên: .....Ngày sinh: ..... Mã sinh viên: .....

Tên lớp: ..... Ngành đào tạo: .....

Điện thoại: ..... Email: .....

#### **TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM**

##### **1. Tình hình việc làm hiện tại:**

*(Tick vào 1 trong 2 ô dưới đây)*

- Đã có việc làm  
 Đã có việc làm và đang đi học

##### **2. Khu vực việc làm thuộc:**

*(Chỉ chọn 1 khu vực)*

- Cơ quan/doanh nghiệp nhà nước  
 Doanh nghiệp tư nhân, cổ phần, TNHH  
 Tổ chức, liên doanh nước ngoài

- Tự tạo việc làm, doanh nghiệp riêng
- Khác (nêu rõ).....

**3. Lĩnh vực công tác:**

*(Chỉ chọn 1 lĩnh vực)*

- Công nghệ thông tin
- Giáo dục
- Luật
- Kỹ thuật
- Marketing
- Mỹ thuật/thiết kế
- Du lịch/Nhà hàng/Khách sạn
- Tài chính/Tín dụng
- Thương mại/dịch vụ
- Xây dựng, vận tải, điện lực
- Xuất nhập khẩu

**4. Thời điểm có việc làm (đầu tiên):**

*(Chỉ chọn 1)*

- Trước khi tốt nghiệp
- 06 tháng sau khi tốt nghiệp
- 06 tháng - 12 tháng sau khi tốt nghiệp
- Trên 12 tháng sau khi tốt nghiệp

**5. Vị trí việc làm (hiện tại):**

*(Chỉ chọn 1)*

- Nhân viên
- Trưởng nhóm
- Quản lý bậc trung
- Quản lý bậc cao
- Vị trí khác (nêu rõ): .....

**6. Mức thu nhập trung bình hiện tại hàng tháng: .....**

**7. Anh/chị cho biết mức độ đáp ứng của kiến thức và kỹ năng được đào tạo tại Trường Quốc tế so với yêu cầu công việc thực tế hiện tại.**

*(Tick mức độ đáp ứng cho từng mục: 1 = Hoàn toàn không tốt; 2 = Không tốt; 3 = Trung bình; 4 = Tốt; 5 = Rất tốt)*

- ✓ Kiến thức lí thuyết đại cương và chuyên ngành      1     2     3     4     5

|   |                            |                            |                            |                            |                            |
|---|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| ✓ Kiến thức thực tế liên quan đến ngành học | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Năng lực ngoại ngữ                        | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Năng lực phân tích, tổng hợp              | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Năng lực sáng tạo                         | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Năng lực tự chủ, làm việc độc lập         | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Năng lực và tư duy hội nhập quốc tế       | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Kỹ năng tin học                           | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Kỹ năng làm việc nhóm                     | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Kỹ năng giao tiếp                         | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |

**8. Bạn có góp ý, đề xuất gì cho Trường Quốc tế để tăng khả năng tuyển dụng của sinh viên và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động sau khi ra trường**

(VD: Các hoạt động tham vấn hướng nghiệp, tạo đàm, hội thảo hướng nghiệp; thông tin về cơ hội thực tập việc làm; hoạt động kết nối doanh nghiệp; hoạt động phát triển kỹ năng mềm; phát triển các CLB học thuật,....)

.....

**9. Công việc của anh/chị:**

(Chỉ chọn 1)

- Đúng chuyên ngành đào tạo
- Khác chuyên ngành đào tạo

**10. Hoạt động hỗ trợ cựu sinh viên nào dưới đây phù hợp với sự quan tâm của anh/chị?**

(Có thể chọn nhiều hơn 1 hoạt động)

- Alumni café
- Tư vấn tâm lí
- Kết nối DN
- Mentoring
- Hội thảo chuyên môn
- CLB thể thao
- Family BBQ
- Dã ngoại
- Đào tạo kỹ năng mềm
- Khác (nêu rõ): .....

**11. Nếu đã có việc làm, anh/chị vui lòng cung cấp thông tin dưới đây để Trường Quốc tế tổ chức các hoạt động hỗ trợ phù hợp và cập nhật vào CSDL cựu sinh viên:**

*(Điền thông tin)*

- ✓ Tên vị trí công việc: .....
- ✓ Tên Phòng/Ban chức năng: .....
- ✓ Tên tổ chức: .....
- ✓ Địa chỉ làm việc: .....
- ✓ Email cơ quan: .....

**12. Bạn có muốn nhận được thông tin cập nhật về các cơ hội việc làm từ Trường Quốc tế, ĐHQGHN sau khi tốt nghiệp không?**

*(Chỉ chọn 1)*

- Có
- Không

*Xin chân thành cảm ơn và chúc anh/chị khởi đầu một hành trình mới nhiều thuận lợi, may mắn và thành công!*

*Phiếu khảo sát dành cho SVTN chưa có việc làm*

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG QUỐC TẾ**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**PHIẾU KHẢO SÁT TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN  
TỐT NGHIỆP BẬC ĐẠI HỌC NĂM HỌC**

*Thân gửi các anh/chi tân cử nhân,*

*Theo Quy định bắt buộc của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN, hàng năm Trường Quốc tế triển khai khảo sát nhằm đánh giá tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, làm cơ sở để cung cấp dịch vụ hỗ trợ phù hợp cho cựu sinh viên, đồng thời tổng hợp ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và hoạt động hỗ trợ sinh viên hiện tại. Những ý kiến khách quan, thẳng thắn của các bạn sẽ giúp nhà trường nhìn rõ hơn những điểm mạnh, điểm tồn tại của mỗi chương trình đào tạo. Nhà trường cam kết mọi câu trả lời, thông tin cá nhân của các bạn sẽ được bảo mật hoàn toàn!*

*Trân trọng cảm ơn!*

**THÔNG TIN CHUNG**

Họ tên: ..... Ngày sinh: ..... Mã sinh viên: .....

Tên lớp: ..... Ngành đào tạo: .....

Điện thoại: ..... Email: .....

**TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM**

**1. Tình hình việc làm hiện tại:**

*(Tick vào 1 trong 2 ô dưới đây)*

- Chưa có việc làm
- Đang đi học

**2. Lí do bạn chưa có việc làm**

*(Có thể chọn hơn 1 lí do)*

- Chưa tìm được công việc phù hợp
- Mức lương chưa đáp ứng kỳ vọng
- Thiếu kĩ năng tìm kiếm và xin việc
- Kiến thức và kĩ năng chưa đáp ứng yêu cầu công việc đã ứng tuyển

- Lí do khác

**3. Bạn mong muốn cơ hội việc làm thuộc khối:**

*(Có thể chọn hơn 1 khối)*

- Cơ quan/doanh nghiệp nhà nước  
 Doanh nghiệp tư nhân, cổ phần, TNHH  
 Tổ chức, liên doanh nước ngoài  
 Tự tạo việc làm, doanh nghiệp riêng  
 Khác

**4. Bạn mong muốn làm việc trong lĩnh vực:**

*(Chỉ chọn 1 lĩnh vực)*

- Công nghệ thông tin  
 Giáo dục  
 Luật  
 Kỹ thuật  
 Marketing  
 Mỹ thuật/thiết kế  
 Du lịch/Nhà hàng/Khách sạn  
 Tài chính/Tín dụng  
 Thương mại/dịch vụ  
 Xây dựng, vận tải, điện lực  
 Xuất nhập khẩu

**5. Bạn mong muốn làm ở vị trí việc làm:**

*(Chỉ chọn 1)*

- Nhân viên  
 Trưởng nhóm  
 Quản lý bậc trung  
 Quản lý bậc cao  
 Vị trí khác (nêu rõ): .....

**6. Mức thu nhập trung bình hàng tháng bạn kỳ vọng là: .....**

**7. Bạn đánh giá như thế nào về mức độ đáp ứng của kiến thức và kĩ năng được đào tạo tại Trường Quốc tế so với yêu cầu của thị trường lao động**

*(Tick mức độ đáp ứng cho từng mục: 1 = Hoàn toàn không tốt; 2 = Không tốt; 3 = Trung bình; 4 = Tốt; 5 = Rất tốt)*

- ✓ Kiến thức lí thuyết đại cương và chuyên ngành      1     2     3     4     5

|   |                            |                            |                            |                            |                            |
|---|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| ✓ Kiến thức thực tế liên quan đến ngành học | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Năng lực ngoại ngữ                        | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Năng lực phân tích, tổng hợp              | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Năng lực sáng tạo                         | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Năng lực tự chủ, làm việc độc lập         | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Năng lực và tư duy hội nhập quốc tế       | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Kỹ năng tin học                           | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Kỹ năng làm việc nhóm                     | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |
| ✓ Kỹ năng giao tiếp                         | 1 <input type="checkbox"/> | 2 <input type="checkbox"/> | 3 <input type="checkbox"/> | 4 <input type="checkbox"/> | 5 <input type="checkbox"/> |

**8. Bạn có góp ý, đề xuất gì cho Trường Quốc tế để tăng khả năng tuyển dụng của sinh viên và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động sau khi ra trường**

(VD: Các hoạt động tham vấn hướng nghiệp, tạo đàm, hội thảo hướng nghiệp; thông tin về cơ hội thực tập việc làm; hoạt động kết nối doanh nghiệp; hoạt động phát triển kỹ năng mềm; phát triển các CLB học thuật,....)

.....

**9. Bạn kì vọng công việc của mình:**

(Chỉ chọn 1)

- Đúng chuyên ngành đào tạo
- Khác chuyên ngành đào tạo
- Cả hai đều được

**10. Hoạt động hỗ trợ cựu sinh viên nào dưới đây phù hợp với sự quan tâm của anh/chị?**

(Có thể chọn nhiều hơn 1 hoạt động)

- Alumni café
- Tư vấn tâm lí
- Kết nối DN
- Mentoring
- Hội thảo chuyên môn
- CLB thể thao
- Family BBQ
- Dã ngoại
- Đào tạo kỹ năng mềm
- Khác (nêu rõ): .....

**11. Bạn có muốn nhận được thông tin cập nhật về các cơ hội việc làm từ Trường Quốc tế, ĐHQGHN sau khi tốt nghiệp không?**

*(Chỉ chọn 1)*

- Có
- Không

*Xin chân thành cảm ơn và chúc anh/chị khởi đầu một hành trình mới nhiều thuận lợi, may mắn và thành công!*